



píng kōng

凭空

adverb · without basis; groundlessly

Example Sentences

nǐ bù néng píng kōng zhǐ zé bié rén tōu le dōng xī
你不能凭空指责别人偷了东西。

You cannot accuse someone of stealing
without evidence.

zhè ge gù shì wán quán shì píng kōng biān zào de
这个故事完全是凭空编造的。

This story is completely fabricated out of thin
air.

Trace each character, then write the word on your own.

凭	凭	凭	凭	凭	凭	凭	凭	凭	凭	凭
空	空	空	空	空	空	空	空	空	空	空